

Số: 1156 /QĐ-UBND

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 29 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự toán kinh phí và giao nhiệm vụ thực hiện duy trì hoạt động hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin năm 2006;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ Quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Công văn số 7492/UBND-VP ngày 30/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc chủ trương thực hiện nhiệm vụ duy trì hoạt động hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2054/TTr-STNMT ngày 16/04/2021 về việc đề nghị phê duyệt dự toán kinh phí và giao nhiệm vụ thực hiện Duy trì hoạt động hệ thống thông tin, dữ liệu tài

nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2021, văn bản số 1376/STC-TCHCSN ngày 15/4/2021 của Sở Tài chính về việc dự toán kinh phí duy trì hoạt động hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ duy trì hoạt động hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2021, cụ thể:

1. Tên nhiệm vụ: Duy trì hoạt động hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2021

2. Kinh phí thực hiện: 2.251.936.487 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm năm mươi một triệu, chín trăm ba mươi sáu nghìn, bốn trăm tám mươi bảy đồng*). Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

3. Nguồn kinh phí

a) Sử dụng từ nguồn dự toán chi ngân sách năm 2021 đã bố trí cho Sở Tài nguyên và Môi trường tại Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh để thực hiện nhiệm vụ trên số tiền là 1.855.000.000 đồng.

b) Bổ sung từ nguồn chi an sinh xã hội và các nhiệm vụ khác ngân sách tỉnh năm 2021 tại Quyết định số 3839/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh với số tiền là 396.936.487 đồng (làm tròn 397.000.000 đồng).

4. Địa điểm triển khai: Sở Tài nguyên và Môi trường.

5. Thời gian thực hiện: trước ngày 31/12/2021.

6. Chủ đầu tư: Tài nguyên và Môi trường

7. Đơn vị thực hiện: Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Giao nhiệm vụ cho Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thực hiện nội dung, khối lượng công việc đảm bảo trong phạm vi dự toán kinh phí được UBND tỉnh phê duyệt.

b) Chịu trách nhiệm giám sát, nghiệm thu khối lượng công việc theo quy định.

2. Giao Sở Tài chính cấp kinh phí và hướng dẫn Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thanh quyết toán theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Chủ tịch và các PCT tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

(4)

K.T. CHỦ TỊCH *mmh*
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Công Vinh



PHỤ LỤC

Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ duy trì hoạt động hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1156/QĐ-UBND
ngày 29/4/2021 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

STT	Nội dung công việc	Kinh phí (VNĐ)	Ghi chú
I	Duy trì, vận hành phần mềm hỗ trợ việc quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu ngành Tài nguyên và Môi trường	412.023.002	
1	Duy trì, vận hành phần mềm trang thông tin điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường	23.746.078	
2	Duy trì, vận hành phần mềm công cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường	23.896.225	
3	Duy trì, vận hành phần mềm phục vụ công tác quản lý công việc sau quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, xác định giá đất cụ thể, hợp đồng thuê đất, kiểm soát tiến độ đưa đất vào sử dụng	28.400.635	
4	Duy trì, vận hành phần mềm quản lý, kết xuất sản phẩm của dự án quản lý, khai thác quỹ đất công trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	23.746.078	
5	Duy trì, vận hành phần mềm quản lý hoạt động Tài nguyên nước	24.747.058	
6	Duy trì, vận hành phần mềm Quản lý kho tư liệu Tài nguyên và Môi trường	33.405.535	
7	Duy trì, vận hành phần mềm (Vilis) phân hệ địa chính (thuộc hệ thống quản lý thông tin đất đai)	65.086.552	
8	Duy trì, vận hành phần mềm quản lý tư liệu đo đạc bản đồ	24.146.470	
9	Duy trì, vận hành phần mềm quản lý dữ liệu lĩnh vực môi trường	24.747.058	
10	Duy trì, vận hành phần mềm quan trắc chất lượng môi trường nước và không khí	25.948.234	
11	Duy trì, vận hành phần mềm quản lý thu và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	38.210.239	
12	Duy trì, vận hành phần mềm quản lý hoạt động khoáng sản	24.747.058	
13	Duy trì, vận hành phần mềm hệ thống hỗ trợ nghiệp vụ và quản lý hồ sơ thanh tra, kiểm tra	25.247.548	

STT	Nội dung công việc	Kinh phí (VNĐ)	Ghi chú
14	Duy trì, vận hành phần mềm giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	25.948.234	
II	Duy trì, vận hành hệ thống phần cứng ngành Tài nguyên và Môi trường	293.081.210	
III	Duy trì, vận hành phần mềm hệ thống	461.568.432	
1	Phần mềm dịch vụ	219.992.715	
2	Phần mềm hạ tầng	171.105.445	
3	Phần mềm an ninh bảo mật	70.470.272	
IV	Thanh toán cước phí để duy trì hệ thống	458.465.843	
V	Đánh giá an toàn thông tin của hệ thống thông tin, cung cấp báo cáo về an toàn thông tin	336.600.000	
VI	Kinh phí mua sắm thiết bị backup, license và dự phòng thiết bị thay thế	290.198.000	
TỔNG CỘNG		2.251.936.487	